

**TỔNG KẾT HỘI NGHỊ QUỐC TẾ:**  
**TÔN GIÁO VÀ PHÁP QUYỀN Ở ĐÔNG NAM Á: TIẾP TỤC THẢO LUẬN**  
 (Ngày 03, 04/11/2007)

ĐỖ QUANG HUNG<sup>(\*)</sup>

*Thưa quý vị, thưa các bạn đồng nghiệp!*

1. Tôi cảm thấy rất vinh hạnh, nhưng cũng rất lo lắng vì trọng trách mà Ban Tổ chức cuộc Hội thảo trao cho tôi. Chúng ta đã làm việc cật lực trong hai ngày và dù “chưa tổng kết” đi nữa, vào thời điểm này, chúng tôi cảm thấy dù căng thẳng mệt mỏi nhưng tất cả chúng ta đều *toại nguyện*. Tôi tin chắc như vậy.

Vậy xin tất cả quý vị và các bạn chúng ta cùng *vỗ tay* với nhau, *cho nhau*, cho thành công của cuộc Trao đổi mà chúng ta đã nghĩ đến và chuẩn bị ngót một năm nay.

2. Thưa quý vị và các bạn đồng nghiệp!

Tháng 12/2006 tại Oslo, Na Uy, là người trực tiếp tham gia thiết kế cuộc Hội thảo này, tôi nhớ *ý tưởng chung của chúng tôi lúc đó* (cùng với TS. Chris Seiple, Chủ tịch Viện Can dự toàn cầu; GS. Cole Durham, Giám đốc Trung tâm Quốc tế về Luật học và Tôn giáo học của Brigham Young University, Hoa Kỳ; đại diện Hội Việt - Mỹ, và một số giáo sư quốc tế khác): để cuộc Hội thảo có thể mở ở Hà Nội (tiếp theo cuộc Hội thảo lần thứ nhất đã mở ở Hà Nội tháng 9/2006), đúng với ý nghĩa “*Tiếp tục trao đổi*”, cần phải tìm thêm các panel mới đồng thời tước lược đi một vài panel đã có ở cuộc Hội thảo năm trước.

Chính vì điều này, tại hội trường hôm nay, các bạn thấy đấy, sự vắng mặt một số đại biểu các nước và Việt Nam của cuộc Hội thảo tháng 9/2006. Nhưng bù lại, chúng ta lại có thêm rất nhiều học giả, các bạn đồng nghiệp mới cũng đến từ nhiều quốc gia, tham gia tích cực và hiệu quả cho cuộc trao đổi ngày hôm nay.

Tôi nghĩ không sao: dù chúng ta ở đâu, với sự quan tâm chung đến học thuật, trong thế giới nối mạng ngày hôm nay, chúng ta vẫn có “hiệp thông” với nhau trong những suy tư về nghề nghiệp, học thuật.

3. Cuộc Hội thảo của chúng ta theo Chương trình chính thức có đến 27 tham luận tiếc rằng vì lí do khách quan có 02 học giả đã vắng mặt, chúng ta không được nghe tiếng nói trực tiếp của họ. Qua hai ngày trao đổi, với 08 panel, trong đó có những panel mới: *Vấn đề tài chính, thuế, từ thiện tôn giáo* chẳng hạn. Đó là những vấn đề về luật pháp tôn giáo mà nhiều nước ở Đông Nam Á trong đó có đất nước chúng tôi còn là vấn đề phía trước, nhưng cũng không thể nói là xa xôi.

Dưới đây, chúng tôi xin phép có vài nhận xét tổng quát về những vấn đề học thuật mà chúng ta đã trao đổi. Chúng tôi không thể đi lần lượt nội dung của từng panel, cách tốt nhất theo chúng tôi là chúng ta tổng kết

---

<sup>\*</sup> GS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Đây là bản Tổng kết Hội thảo: *Tôn giáo và pháp quyền ở Đông Nam Á: tiếp tục thảo luận*, Hà Nội, ngày 03, 04/11/2007 do Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Can dự Toàn cầu (Mỹ) và Hội Việt - Mỹ tổ chức.

theo “cụm vấn đề”. Nhưng cũng phải nói ngay rằng, những nhận xét dưới đây cũng mới chỉ theo phương pháp “chụp ảnh” của phóng viên thời sự mà thôi!

3.1. Vấn đề *Đa nguyên tôn giáo* hiện nay ở Đông Nam Á đúng là mối bận tâm đầu tiên của cuộc Hội thảo. Dù quan niệm về *đa nguyên tôn giáo* (Pluralisme religieux) trong giới học thuật Đông – Tây còn có những khoảng cách nhất định, nhưng chúng ta đều có cái nhìn chung là, dù sao xu thế này trong đời sống tôn giáo ở Đông Nam Á cũng đang hòa nhập với xu thế quan trọng này của tôn giáo thế giới đầu thế kỉ XXI.

Chúng ta đã tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ cả cái nhìn *lịch đại* và *đồng đại*, trong đó ưu tiên hơn cho thời hiện tại là điều cần thiết về phương pháp. Chúng ta đã nỗ lực tìm kiếm *những động thái, những đặc tính và những vấn đề đang đặt ra* của xu hướng này trong đời sống tôn giáo ở Đông Nam Á của chúng ta.

Khi mà *hệ thống tôn giáo* ở mỗi nước Đông Nam Á vốn đã “đa dạng” từ lâu, trong bối cảnh toàn cầu hóa tôn giáo hôm nay lại đang có xu thế mở rộng hơn, kèm theo đó là sự chuyển biến đời sống tâm linh, đức tin và các yếu tố khác, đã khiến cho mối quan hệ giữa nhà nước và các giáo hội có những thay đổi. Điều chúng ta có thể nhất trí là: Dù thế nào, các nhà nước ở Đông Nam Á hoặc lựa chọn theo thể chế thế tục (L’Etat Séculaire) hay theo thể chế *nửa thế tục, cận thế tục* (The Quasi – Secular State) cũng phải đảm bảo sự đoàn kết dân tộc-tôn giáo, đảm bảo *sự hài hòa*, được nâng thêm tính cách triết lí sâu sắc của thái độ này như kinh nghiệm của các nước Singapore, Malaysia, Việt Nam đã đạt được ở những sắc thái khác nhau. Đặc biệt với các quốc gia có mô hình *Tôn giáo dân tộc* (Ethno – Religion), nghĩa là nhà nước vẫn dựa vào một tôn giáo chủ lưu, thì *sự hài hòa* với quyền lợi và vị thế của các tôn giáo còn lại là đặc biệt quan trọng. *Sự đa nguyên tôn giáo* còn đòi hỏi trách nhiệm của các nhà nước thế tục trong việc thực hiện sự bình đẳng giữa các tôn giáo, giữa các hệ ý thức tư tưởng và tự do tôn giáo tín ngưỡng nói chung. Chúng ta cũng có những ý kiến cảnh báo về hiện tượng “can thiệp” của nhà nước với các tổ chức tôn giáo có vẻ như tăng lên ở một số quốc gia Đông Nam Á.

3.2. Hội thảo của chúng ta rất chăm chú với những vấn đề mới mẻ thuộc phạm trù tôn giáo và pháp quyền: *Tài chính, thuế và hoạt động từ thiện của/với các tôn giáo*.

Mặc dù những tham luận chủ yếu của các panel này phản ánh thực tiễn đời sống tôn giáo trong các xã hội Âu – Mỹ, nhưng những kinh nghiệm của các quốc gia này có ý nghĩa gợi mở rất quan trọng với luật pháp tôn giáo ở các nước Đông Nam Á. Vấn đề *tài chính, thuế khóa và hoạt động từ thiện của các tôn giáo* trong quan hệ với pháp quyền có những yếu tố về xã hội và *kỹ thuật luật pháp* rất tế nhị và phức tạp. Nhưng điều quan trọng hơn cả là chúng ta đã có cái nhìn chung mang tính triết lí vượt lên *chuyện đồng tiền* đó là: các biện pháp giảm thuế, tài chính, v.v... của nhà nước tuyệt nhiên không phải để khuyến khích các hoạt động truyền giáo của các tôn giáo mà trước hết và chủ yếu là vì mục tiêu lợi ích xã hội, lợi ích của cộng đồng, của con người, của những giá trị nhân bản. Cũng không thể lợi dụng công cụ này để ràng buộc, *hạn chế* hay trái lại, *nâng đỡ* không đúng với tôn giáo này hoặc tôn giáo kia.

Đây cũng là lĩnh vực mà hệ thống pháp lí về tôn giáo phải đi liền với sự kiểm soát thích hợp của nhà nước, thông qua các chính sách và hệ thống pháp luật dân sự, kể cả luật phòng chống tham nhũng.

Qua hoạt động của các tổ chức tôn giáo trong những lĩnh vực hoạt động kể trên, chúng ta một lần nữa khẳng định một lợi thế có tính cách xã hội học tôn giáo là: chức năng này của các tôn giáo trong xã hội dân sự hiện đại vẫn khá lớn và có xu hướng rộng mở, đa dạng về hình thức hoạt động, đặc biệt xu thế *liên quốc gia, xuyên quốc gia* của các tôn giáo và các tổ chức của nó.

Lẽ dĩ nhiên chúng ta không thể sa vào *mặt kỹ thuật* vốn rất phức tạp của chuyện thuế khóa.

3.3. Vấn đề *tôn giáo và giáo dục* được bàn bạc trong cuộc Hội thảo này, chủ yếu là vấn đề *giáo dục tôn giáo* (hay *giáo dục về tôn giáo?*) trong nhà trường (chủ yếu trường công). Dù chưa có nhiều tham luận, nhưng chúng ta đã được thấy những *nghiên cứu trường hợp* tiêu biểu ở Mỹ và Tây Âu cũng như ở nước Nga hiện nay trong thời kì “*hậu vô thần*”. Rõ ràng vấn đề tôn giáo và giáo dục là một vấn đề *thời sự* hiện nay ở nhiều nước Âu - Mỹ, những quốc gia đã có một quá trình lâu dài về *sự phân tách* giữa quyền lực chính trị của nhà nước và của các giáo hội, giữa *giáo dục công cộng* và giáo dục tôn giáo của các giáo hội.

Một mặt, chúng ta khẳng định những *cơ sở triết lý và xã hội* của nhu cầu giáo dục tôn giáo cho trẻ em trong các xã hội ấy. Mặt khác, chúng ta cũng thấy rõ có nhiều vấn đề *phải điều chỉnh* từ phía các nhà nước và từ phía các tổ chức tôn giáo trong việc thực hiện những chính sách mới về tôn giáo và giáo dục. Trước hết đó là các khâu cơ bản: Dạy cái gì? Dạy thế nào? Và ở đâu?

3.4. Khá sôi nổi trong cuộc trao đổi của chúng ta là vấn đề *tôn giáo và an ninh*. Đây cũng là vấn đề tôn giáo có tính toàn cầu hiện nay.

Tất cả các báo cáo không chỉ khẳng định nhu cầu cấp bách và lớn lao của loài người là sự ổn định, đối thoại, hòa bình và phát triển. Trên nền tảng đó chúng ta suy nghĩ về những vấn đề *tôn giáo và an ninh*.

Từ những nghiên cứu trường hợp như xung đột ở Nam Thái Lan, Philippine, Indonesia hiện nay, từ những nghiên cứu về chủ nghĩa khủng bố, cực đoan tôn giáo (chủ yếu liên quan đến Hồi giáo), đặc biệt những kinh nghiệm thành công của Singapore, Việt Nam, Malaysia... về những chính sách *hài hòa, đồng hành tôn giáo và dân tộc*, đến những vấn đề có tính chất *triết lý căn bản: khoan dung và tôn trọng, tự do tôn giáo* như là một *mệnh đề của hòa bình*, hiểu biết và đối thoại ... Hơn thế nữa, chúng ta trân trọng những suy tư có tính cách “*chiến lược của sự hòa hợp*” trong chính sách tôn giáo của một số nước ở Đông Nam Á nhằm giải quyết căn bản những vấn đề xung đột tôn giáo và sắc tộc, chủ nghĩa khủng bố...

Trong vấn đề này, cũng như vấn đề *đa nguyên tôn giáo*, một thách đố thường xuyên, phổ biến là *làm sao duy trì và phát triển bản sắc tôn giáo và bản sắc dân tộc* trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Chưa bao giờ trong bối cảnh toàn cầu hóa tôn giáo, vấn đề bản sắc tôn giáo của mỗi quốc gia, mỗi xã hội, mỗi con người lại đặt ra gay gắt như hiện nay. Chúng ta đã trao đổi rất nhiều góc độ, từ lý thuyết đến thực tiễn đời sống tôn giáo, song dù thế nào chúng ta vẫn bày tỏ sự tán đồng nguyên tắc lớn của Liên Hợp Quốc: *sự thống nhất trong đa dạng*, trong văn hóa nói chung và nói riêng trong đời sống tôn giáo cũng vậy.

3.5. Vấn đề cuối cùng mà chúng ta tập trung không ít sức lực: *So sánh các mô hình nhà nước thế tục ở Đông Nam Á*.

- Trước hết, có thể nói rằng, với những kết quả của cuộc Hội thảo lần trước, chúng ta đã có thể phân loại 2 mô hình nhà nước thế tục ở Đông Nam Á: *thứ nhất, mô hình Nhà nước thế tục* (L'Etat Séculaire) như trường hợp Việt Nam. *Thứ hai, mô hình nhà nước cận thế tục, nửa thế tục* (The Quasi-Secular State) như ở Philippine, Malaysia, Singapore, và cả ở Thái Lan nữa.

Điều này là phù hợp với thực tiễn lịch sử và đời sống tôn giáo đương đại ở Đông Nam Á, một khu vực rất đa dạng về văn hóa, tôn giáo, tộc người và thiết chế chính trị. Đương nhiên chúng ta cần có thêm những nghiên cứu trường hợp, đặc biệt phương pháp tôn giáo học so sánh để có thể khẳng định thêm việc lựa chọn hai mô hình này ở các nước Đông Nam Á.

- Chúng ta còn quan tâm hơn đến những vấn đề *phía sau* của việc lựa chọn các mô hình nhà nước thế tục, cái mà chúng ta gọi là *triết lý về chủ nghĩa thế tục*. Một mặt, chúng ta thừa nhận đây là một thành tựu tư tưởng, triết học và xã hội của nhân loại mà ta phải sử dụng, nhưng mặt khác cũng cần tránh xu hướng về *một*

*chủ thuyết nhà nước thế tục thái quá* (nhà nước thế tục trung lập “lạnh lùng”, hoặc nhà nước thế tục can thiệp quá nhiều vào nội bộ các tổ chức tôn giáo). Trong khi thực thi 3 nguyên tắc của mô hình nhà nước thế tục, chúng ta cũng trao đổi các sắc thái, các phạm trù rất cơ bản: Sự *phân tách* giữa quyền lực chính trị và tôn giáo của mô hình này là cần thiết, nhưng cũng không *đồng nhất* về biểu hiện; đặc biệt, quan hệ *tôn giáo và chính trị* trong việc thực thi mô hình nhà nước thế tục là điều rất phức tạp, đầy dẫy tính *mập mờ* (Ambigute), mà các nhà nước cần hết sức tỉnh táo. Kinh nghiệm của nhiều nước ở Đông Nam Á cho thấy sự cần thiết vai trò của các tổ chức, các cá nhân tôn giáo với tư cách công dân vẫn có thể và nên có sự tham gia vào đời sống chính trị xã hội trên căn bản *nguyên lý hài hòa* hoặc nguyên tắc *tôn giáo đồng hành với dân tộc*. Phải chăng đây cũng là nét đặc sắc của mối quan hệ giữa nhà nước và giáo hội, giữa chính trị và tôn giáo, nói cách khác là một đặc điểm của mô hình nhà nước thế tục ở các nước Đông Nam Á?

Ngoài ra, cuộc Hội thảo của chúng ta còn có một số nội dung đáng chú ý khác: những bước tiến mới, những động thái cập nhật nhất của một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á trong lĩnh vực chính sách tôn giáo. Tất cả đều nói lên rằng, sự tiến bộ của chính sách tôn giáo ở mọi quốc gia trong khu vực luôn gắn với sự tiến bộ của vấn đề nhà nước và pháp quyền, trong lĩnh vực này chính lại là tên gọi của 2 cuộc hội thảo của chúng ta, năm 2006 và 2007 này: *Tôn giáo và pháp quyền ở Đông Nam Á*.

Thưa các quý vị, các bạn đồng nghiệp!

Đến đây tôi chợt nghĩ rằng, trong hoạt động nghiên cứu khoa học của chúng ta, không có gì quý hơn khi chúng ta nhận được những ý tưởng, những suy nghĩ, những phương pháp nghiên cứu mới. Một người chỉ có thể có ảnh hưởng đến người khác nếu người ấy có khả năng kích thích người khác suy nghĩ và làm việc.

Với tôi trong cuộc Hội thảo này, tôi đã nhận được nhiều ý tưởng mới của các bạn đồng nghiệp Việt Nam, nhưng chắc chắn là, đông đảo hơn từ các bạn đồng nghiệp quốc tế đến từ nhiều châu lục, nhiều khu vực. Những ý tưởng và suy nghĩ mới ấy đã và sẽ kích thích bản thân tôi trong lao động khoa học cả những năm sắp tới.

Với những ý nghĩ đó tôi xin kết thúc bản *Tổng kết cuộc Hội thảo*.

Xin trân trọng cảm ơn!